

Hải Dương, ngày 10 tháng 4 năm 2023

## BÁO CÁO KẾT QUẢ

“Khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên

Học kỳ I, năm học 2022 - 2023”

### 1. Mục đích, yêu cầu, nội dung và đối tượng khảo sát

#### 1.1. Mục đích

a) Đối với Nhà trường:

- Đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên thông qua phản hồi của sinh viên.

- Góp phần thực hiện quy chế dân chủ trong cơ sở giáo dục và thực hiện nhiệm vụ đảm bảo chất lượng giáo dục thường niên.

- Giúp Ban Giám hiệu, các Khoa/Bộ môn có cơ sở để nhận xét, đánh giá và có kế hoạch bồi dưỡng cho giảng viên.

b) Đối với giảng viên:

- Tạo thêm kênh thông tin giúp giảng viên tự điều chỉnh hoạt động giảng dạy, hoàn thiện, phát huy năng lực giảng dạy về chuyên môn, tác phong sư phạm.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của giảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, mục tiêu đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường.

c) Đối với sinh viên:

- Tăng cường tinh thần trách nhiệm của sinh viên trong học tập và rèn luyện bản thân.

- Đảm bảo quyền lợi cho sinh viên, tạo điều kiện để sinh viên được phản ánh nguyện vọng và thể hiện chính kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên.

#### 1.2. Yêu cầu của việc khảo sát

Công tác lấy ý kiến sinh viên được thực hiện theo quy trình cụ thể, công khai và phải tuân thủ theo những yêu cầu sau:

- Nội dung khảo sát phải đáp ứng yêu cầu Công văn số 7324/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 08/10/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và công tác kiểm định chất lượng.

- Giảng viên và sinh viên phải được thông tin đầy đủ và hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của việc khảo sát.

- Sinh viên phải trung thực, khách quan và có thái độ đúng mực trong việc cung cấp thông tin phản hồi về hoạt động giảng dạy của giảng viên.

- Thông tin phản hồi từ sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên phải được xử lý khách quan, trung thực, chính xác và phải được sử dụng đúng mục đích.

- Giảng viên phải tôn trọng, có tinh thần cầu thị trước kết quả xử lý thông tin phản hồi từ phía sinh viên về hoạt động giảng dạy của bản thân.

### 1.3. Nội dung khảo sát

- Nội dung, chất lượng học phần
- Hoạt động giảng dạy của giảng viên
- Tổ chức, quản lý học phần
- Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập
- Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, vật liệu dạy – học

### 1.4. Đối tượng thực hiện khảo sát

Sinh viên ở trình độ đại học chính quy, vừa làm vừa học tham dự các học phần lý thuyết, thực hành, lâm sàng được triển khai trong kỳ I năm học 2022-2023 tại Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.

## 2. Công cụ khảo sát, phương pháp khảo sát, tiêu chí đánh giá xếp loại

Phiếu khảo sát sử dụng thang đo Likert 05 mức độ:

- **Hoàn toàn không đồng ý** (tương ứng với 1 điểm);
- **Không đồng ý** (tương ứng với 2 điểm);
- **Trung lập** (tương ứng với 3 điểm);
- **Đồng ý** (tương ứng với 4 điểm);
- **Hoàn toàn đồng ý** (tương ứng với 5 điểm).

### Phương pháp khảo sát:

- Khảo sát bằng hình thức phát phiếu khảo sát trực tiếp đối với sinh viên hệ VL VH.

- Khảo sát bằng phần mềm khảo sát người học-Unirate đối với sinh viên hệ chính quy

Căn cứ vào số phiếu có giá trị thống kê, sau khi xử lý thống kê, kết quả được phân loại như sau:

TT	Mức trung bình chung tích lũy	Mức ý kiến phản hồi	Hoạt động tiếp theo
1	4,21 - 5,00	Xuất sắc	Tiếp tục duy trì và phát triển
2	3,41 - 4,20	Tốt	Hoàn thiện nâng cao hơn nữa
3	2,61 - 3,40	Khá	Cải tiến hơn để nâng cao chất lượng đào tạo
4	1,81 - 2,60	Trung bình	Xây dựng kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo
5	1,00 - 1,80	Kém	Cần khắc phục ngay và nhanh chóng có kế hoạch hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo

### 3. Kết quả

#### 3.1. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với các học phần lý thuyết

Kết quả khảo sát ý kiến sinh viên chính quy, VLVH về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ I năm học 2022-2023 đối với học phần lý thuyết thể hiện bảng sau:

**Bảng 1: Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với các học phần lý thuyết**

TT	Khoa/bộ môn	Số học phần LT	Số GV	Số phiếu phản hồi	Kết quả phản hồi học phần					
					Xuất sắc		Tốt		Khá	
					n	%	n	%	n	%
1	Khoa Y học cơ sở	33	11	1901	4	12.12	29	87.88	0	0.00
2	Khoa Điều dưỡng	26	12	1741	10	38.46	16	61.54	0	0.00
3	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	20	3	1312	6	30.00	14	70.00	0	0.00
4	Khoa Y	33	18	1625	8	24.24	25	75.76	0	0.00
5	Khoa Xét nghiệm	32	14	2305	7	21.88	25	78.13	0	0.00
6	Khoa YHDP/YTCC	36	9	2015	12	33.33	24	66.67	0	0.00
7	Khoa Phục hồi chức năng	31	11	1301	18	58.06	13	41.94	0	0.00
8	BM Khoa học cơ bản	22	7	1142	3	13.64	19	86.36	0	0.00
9	BM Y sinh học và di truyền	7	3	530	2	28.57	5	71.43	0	0.00
10	BM Ngoại ngữ	30	9	1114	0	0.00	30	100.00	0	0.00
11	BM Chính trị	32	8	1903	3	9.38	29	90.63	0	0.00
12	Học phần nhiều GV cùng giảng dạy	6	9	1053	0	0.00	6	100.00	0	0.00
<b>Tổng</b>		<b>308</b>	<b>114</b>	<b>17942</b>	<b>73</b>	<b>23.70</b>	<b>235</b>	<b>76.30</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>

#### **Nhận xét:**

Kết quả triển khai hoạt động khảo sát ý kiến sinh viên chính quy về hoạt động giảng dạy lý thuyết của giảng viên học kỳ I năm học 2022 – 2023:

- Tổng số phiếu phát đi: 18577 phiếu
- Tổng số phiếu thu về: 17942 phiếu
- Tỷ lệ sinh viên phản hồi = 96.58 %.
- Khảo sát 114 giảng viên với 308 học phần thuộc 11 Khoa/Bộ môn. Trong đó có 23.7% số giảng viên được sinh viên phản hồi đạt mức xuất sắc; 76.3% giảng viên đạt mức tốt và không có giảng viên đạt mức khá, trung bình và yếu.

### 3.2. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với các học phần thực hành.

Kết quả khảo sát ý kiến sinh viên chính quy, VLVH về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ I năm học 2022- 2023 đối với học phần thực hành thể hiện bảng sau:

**Bảng 2: Thông tin chung về hoạt động khảo sát các học phần thực hành**

TT	Khoa/bộ môn	Số học phần TH	Số giảng viên	Số phiếu phản hồi	Kết quả phản hồi học phần					
					Xuất sắc		Tốt		Khá	
					n	%	n	%	n	%
1	Khoa Xét nghiệm	55	17	1211	19	34.55	36	65.45	0	0.00
2	Khoa Y	15	8	764	0	0.00	15	100.00	0	0.00
3	Khoa PHCN	44	11	987	22	50.00	22	50.00	0	0.00
4	Khoa CDHA	41	10	921	16	39.02	25	60.98	0	0.00
5	Khoa Điều dưỡng	37	14	1310	3	8.11	34	91.89	0	0.00
6	Khoa Y học cơ sở	22	8	1121	4	18.18	18	81.82	0	0.00
7	Khoa YHDP – YTCC	12	4	560	2	16.67	10	83.33	0	0.00
8	BM Y sinh học và di truyền	4	2	76	1	25.00	3	75.00	0	0.00
9	BM Khoa học cơ bản	19	6	763	1	5.26	18	94.74	0	0.00
10	BM GDTC-GDQP	7	1	494	1	14.29	6	85.71	0	0.00
11	Học phần nhiều GV cùng giảng	17	34	756	1	5.88	16	94.12	0	0.00
<b>Tổng</b>		<b>273</b>	<b>115</b>	<b>8963</b>	<b>70</b>	<b>25.64</b>	<b>203</b>	<b>74.36</b>	<b>0</b>	<b>0.00</b>

**Nhận xét:** Kết quả triển khai hoạt động khảo sát ý kiến sinh viên chính quy về hoạt động giảng dạy thực hành của giảng viên học kỳ I năm học 2022 – 2023:

- Tổng số phiếu phát đi: 9418 phiếu
- Tổng số phiếu thu về: 8963 phiếu

- Tỷ lệ sinh viên phản hồi = 95.17%.

- Khảo sát 115 giảng viên với 273 học phần thuộc 10 Khoa/Bộ môn. Trong đó có 25.64% số giảng viên được sinh viên phản hồi đạt mức xuất sắc, 74.36 % giảng viên đạt mức tốt, không có giảng viên đạt mức khá, trung bình và yếu.

### 3.3. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với hoạt động dạy học lâm sàng

Kết quả khảo sát ý kiến sinh viên chính quy về hoạt động dạy học lâm sàng học kỳ I năm học 2022 – 2023 thể hiện bảng sau:

**Bảng 3. Thông tin chung về hoạt động khảo sát đối với hoạt động dạy học lâm sàng**

Đặc điểm đối tượng khảo sát		Số SV khảo sát	Số SV phản hồi	Tỷ lệ phản hồi (%)
Chuyên ngành đào tạo	Điều dưỡng đa khoa	209	208	99.5
	Điều dưỡng nha khoa	45	42	93.3
	Điều dưỡng Gây mê hồi sức	79	70	88.6
	Điều dưỡng Sản phụ khoa	32	32	100.0
	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	138	131	94.9
	Kỹ thuật Hình ảnh y học	222	207	93.2
	Kỹ thuật Phục hồi chức năng	132	117	88.6
	Y đa khoa	311	296	95.2
<b>Tổng:</b>		<b>1168</b>	<b>1103</b>	<b>94.4</b>

**Nhận xét:** Qua lấy ý kiến phản hồi của sinh viên chính quy về hoạt động dạy học lâm sàng kỳ I năm học 2022-2023 đã khảo sát:

- Tổng số phiếu phát đi: 1168 phiếu
- Tổng số phiếu thu về: 1103 phiếu
- Tỷ lệ sinh viên phản hồi = 94.4 %.

### 3.4. Kết quả khảo sát chung toàn trường đối với các học phần lý thuyết

**Bảng 4: Nội dung, chất lượng học phần đối với các học phần lý thuyết**

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
4.1	CĐR/Mục tiêu học phần nêu rõ kiến thức và kỹ năng sinh viên cần đạt được	0.73	0.42	22.66	50.68	25.51	4.00
4.2	Thời lượng học phần được phân bố hợp lý cho các hình thức học tập	<b>0.72</b>	<b>0.49</b>	22.04	51.66	25.09	4.00
4.3	Nội dung học phần có sự gắn kết, liên mạch với các học phần đã học, đang học	0.71	0.41	21.94	51.49	25.45	4.01
4.4	Nội dung của các bài trong học phần phù hợp với trình độ của sinh viên	0.70	0.37	21.96	51.43	25.54	4.01
4.5	Nội dung bài giảng, tài liệu học tập được cập nhật, phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	0.73	0.36	21.79	<b>51.23</b>	<b>25.89</b>	4.01
4.6	Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	0.74	0.42	21.83	51.62	25.39	4.01

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.00 - 4.01).

Tiêu chí “Nội dung bài giảng, tài liệu học tập được cập nhật, phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần” có tỷ lệ sinh viên đồng ý và rất đồng ý cao nhất đạt 77.12%.

Tiêu chí “Thời lượng học phần được phân bố hợp lý cho các hình thức học tập”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.21%.

**Bảng 5: Hoạt động giảng dạy đối với các học phần lý thuyết**

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
5.1	Giảng viên thực hiện thời gian lên lớp nghiêm túc, đúng quy định	0.71	0.39	20.92	<b>52.06</b>	<b>25.93</b>	4.02
5.2	Giảng viên phổ biến đầy đủ CDR/mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm của học phần	0.70	0.41	21.61	51.54	25.73	4.01
5.3	Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp phát huy tính sáng tạo, khả năng nghiên cứu độc lập của sinh viên	<b>0.70</b>	<b>0.45</b>	21.59	51.43	25.84	4.01
5.4	Giảng viên giải đáp đầy đủ và kỹ lưỡng các thắc mắc của sinh viên	0.69	0.38	21.57	51.68	25.68	4.01
5.5	Giảng viên truyền đạt rõ ràng, đầy đủ các nội dung học phần	0.67	0.44	21.51	51.49	25.89	4.01
5.6	Giảng viên quan tâm giáo dục đạo đức, nhân cách cho sinh viên	0.70	0.40	21.51	51.52	25.87	4.01
5.7	Giảng viên giúp sinh viên phát triển kỹ năng mềm như thuyết trình, làm việc nhóm	0.67	0.45	21.64	51.32	25.92	4.01
5.8	Giảng viên sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy học	0.67	0.43	21.74	51.64	25.52	4.01

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.01-4.02).

Tiêu chí “Giảng viên thực hiện thời gian lên lớp nghiêm túc, đúng quy định” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 77.99%.

Tiêu chí “Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp phát huy tính sáng tạo, khả năng nghiên cứu độc lập của sinh viên”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.15%.

**Bảng 6: Tổ chức, quản lý học phần**

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
6.1	Đề cương chi tiết học phần có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện	0.67	0.44	21.34	51.92	25.62	4.01
6.2	Sinh viên hài lòng về các nội quy, quy định khi học học phần	0.67	0.38	21.69	51.87	25.39	4.01
6.3	Sinh viên được cung cấp đầy đủ về phương pháp giảng dạy và học tập trước khi học học phần	0.66	0.33	21.46	<b>51.68</b>	<b>25.87</b>	4.02
6.4	Sinh viên được cung cấp đầy đủ về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi học học phần	0.66	0.32	21.59	51.96	25.47	4.01
6.5	Lịch giảng được đảm bảo đúng tiến độ học tập	0.65	0.35	21.73	51.84	25.43	4.01
6.6	Hoạt động tự học của sinh viên được giám sát, đánh giá hiệu quả	0.67	0.33	21.71	51.69	25.59	4.01
6.7	Sinh viên được trợ giúp và tư vấn nhiệt tình trong suốt quá trình học tập	0.67	0.35	21.65	51.94	25.39	4.01

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt ( từ 4.01-4.02).

Tiêu chí “Sinh viên được cung cấp đầy đủ về phương pháp giảng dạy và học tập trước khi học học phần” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 77.55%.

Tiêu chí “Đề cương chi tiết học phần có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.11 %



**Bảng 7: Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập**

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
7.1	Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với tính chất và đặc thù của môn học.	0.66	0.35	21.30	<b>52.29</b>	<b>25.40</b>	4.01
7.2	Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích sinh viên tự học, tự nghiên cứu	<b>0.66</b>	<b>0.36</b>	21.79	52.05	25.16	4.01
7.3	Kết quả kiểm tra đánh giá công bằng, khách quan	0.65	0.35	21.76	51.64	25.59	4.01
7.4	Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp sinh viên cải thiện kết quả học tập	0.66	0.33	21.71	51.98	25.33	4.01
7.5	Sinh viên được giải quyết khiếu nại thỏa đáng liên quan đến thi, kiểm tra	0.68	0.32	21.53	52.19	25.28	4.01

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt ( 4.01)

Tiêu chí “Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với tính chất và đặc thù của môn học” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 77.69%.

Tiêu chí “Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích sinh viên tự học, tự nghiên cứu”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.02 %.

**Bảng 8: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, vật liệu dạy - học**

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
8.1	Giáo trình, tài liệu tham khảo được cung cấp đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu học tập của sinh viên	0.67	0.29	21.38	<b>52.07</b>	<b>25.60</b>	4.02
8.2	Cơ sở vật chất khi học học phần: bàn ghế đầy đủ, phòng học rộng rãi, thoáng mát	0.66	0.39	22.15	51.67	25.13	4.00
8.3	Trang thiết bị phục vụ học tập đầy đủ, chất lượng tốt	<b>0.67</b>	<b>0.41</b>	22.06	51.58	25.28	4.00
8.4	Phòng tự học lý thuyết đáp ứng nhu cầu của sinh viên	0.65	0.39	21.98	51.63	25.34	4.01

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt ( từ 4.00 - 4.02)

Tiêu chí “Giáo trình, tài liệu tham khảo được cung cấp đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu học tập của sinh viên” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 76.67%.

Tiêu chí “Trang thiết bị phục vụ học tập đầy đủ, chất lượng tốt”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.08 %

### 3.5. Kết quả khảo sát chung toàn trường đối với các học phần thực hành

**Bảng 9: Nội dung, chất lượng học phần đối với các học phần thực hành**

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
9.1	CĐR/Mục tiêu học phần nêu rõ kiến thức và kỹ năng sinh viên cần đạt được	0.67	0.25	21.05	50.85	27.18	4.04
9.2	Thời lượng học phần được phân bố hợp lý cho các hình thức học tập	0.69	0.23	20.67	52.09	26.31	4.03
9.3	Nội dung học phần có sự gắn kết, liền mạch với các học phần đã học, đang học	0.70	0.21	20.38	51.56	27.14	4.04
9.4	Nội dung của các bài trong học phần phù hợp với trình độ của sinh viên	<b>0.68</b>	<b>0.25</b>	20.45	51.33	27.29	4.04
9.5	Nội dung bài giảng, tài liệu học tập được cập nhật, phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	0.67	0.22	20.36	<b>51.46</b>	<b>27.29</b>	4.04
9.6	Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	0.66	0.27	20.45	51.32	27.30	4.04

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.03 - 4.04)

Tiêu chí “Nội dung bài giảng, tài liệu học tập được cập nhật, phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 78.75%.

Tiêu chí “Nội dung của các bài trong học phần phù hợp với trình độ của sinh viên” có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 0.93%.

**Bảng 10. Hoạt động giảng dạy đối với các học phần thực hành**

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
10.1	Giảng viên thực hiện thời gian lên lớp nghiêm túc, đúng quy định	0.66	0.27	19.26	<b>52.32</b>	<b>27.50</b>	4.06
10.2	Giảng viên phổ biến đầy đủ mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm của học phần	0.62	0.29	19.78	51.99	27.31	4.05
10.3	Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp phát huy tính sáng tạo, khả năng nghiên cứu độc lập, làm việc nhóm của sinh viên	0.66	0.29	20.04	51.97	27.04	4.04
10.4	Giảng viên giải đáp đầy đủ và kỹ lưỡng các thắc mắc của sinh viên	0.65	0.33	19.77	51.89	27.36	4.05
10.5	Giảng viên hướng dẫn sinh viên sử dụng trang thiết bị thực hành an toàn, đúng quy trình	0.62	0.26	19.79	52.23	27.10	4.05
10.6	Giảng viên luôn giám sát, uốn nắn, kèm cặp sinh viên thực hành và điều chỉnh kịp thời	0.64	0.38	19.87	51.71	27.40	4.05
10.7	Giảng viên luôn quan tâm giáo dục ý thức thực hành nghề nghiệp cho sinh viên	<b>0.67</b>	<b>0.38</b>	19.84	51.94	27.17	4.05

**Nhận xét**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.04 - 4.06).

Tiêu chí “Giảng viên thực hiện thời gian lên lớp nghiêm túc, đúng quy định” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 79.82%.

Tiêu chí “Giảng viên luôn quan tâm giáo dục ý thức thực hành nghề nghiệp cho sinh viên” có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.05%.

**Bảng 11: Tổ chức, quản lý dạy học đối với các học phần thực hành**

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
11.1	Đề cương chi tiết học phần có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện	0.62	0.33	19.70	52.24	27.10	4.05
11.2	Sinh viên hài lòng về các nội quy, quy định khi học học phần	0.64	0.31	20.04	52.14	26.88	4.04
11.3	Sinh viên được cung cấp đầy đủ về phương pháp giảng dạy và học tập trước khi học học phần	0.60	0.32	19.78	51.90	27.39	4.05
11.4	Sinh viên được cung cấp đầy đủ về hình thức và phương pháp đánh giá học tập trước khi học học phần	0.61	0.32	20.04	51.82	27.20	4.05
11.5	Lịch giảng được đảm bảo đúng tiến độ học tập	0.58	0.30	19.70	<b>52.54</b>	<b>26.88</b>	4.05
11.6	Hoạt động tự học của sinh viên được giám sát, đánh giá hiệu quả	0.62	0.33	20.00	51.82	27.21	4.05
11.7	Sinh viên được trợ giúp và hướng dẫn nhiệt tình trong suốt quá trình học tập	<b>0.60</b>	<b>0.42</b>	19.56	52.21	27.20	4.05

**Nhận xét**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.04 - 4.05).

Tiêu chí “Lịch giảng được đảm bảo đúng tiến độ học tập” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 77.42%.

Tiêu chí “Sinh viên được trợ giúp và hướng dẫn nhiệt tình trong suốt quá trình học tập” có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.02%.

**Bảng 12: Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đối với các học phần thực hành**

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
12.1	Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với tính chất và đặc thù của môn học.	0.61	0.32	19.77	<b>52.36</b>	<b>26.93</b>	4.05
12.2	Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích sinh viên tự học, tự nghiên cứu	0.60	0.36	20.21	52.19	26.64	4.04
12.3	Kết quả kiểm tra đánh giá công bằng, khách quan	0.62	0.35	19.99	52.09	26.94	4.04
12.4	Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp sinh viên cải thiện kết quả học tập	<b>0.58</b>	<b>0.40</b>	20.32	51.56	27.14	4.04
12.5	Sinh viên được giải quyết khiếu nại thỏa đáng liên quan đến thi, kiểm tra	0.59	0.33	20.04	51.95	27.09	4.05

***Nhận xét***

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình xấp xỉ nhau, đạt mức tốt (từ 4.04 -4.05).

Tiêu chí “Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với tính chất và đặc thù của môn học” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 79.29 %.

Tiêu chí “Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp sinh viên cải thiện kết quả học tập” có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 0.98 %.

**Bảng 13: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, vật liệu dạy - học đối với các học phần thực hành**

Nội dung		Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm TB
13.1	Giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng được nhu cầu học tập của sinh viên	0.58	0.31	19.67	<b>52.36</b>	<b>27.08</b>	4.05
13.2	Vật tư, hóa chất tiêu hao được đáp ứng đầy đủ	0.62	0.40	20.54	51.90	26.53	4.03
13.3	Cơ sở vật chất khi học học phần: bàn ghế đầy đủ, phòng học rộng rãi, thoáng mát....	0.61	0.40	20.24	51.95	26.80	4.04
13.4	Trang thiết bị thực hành phục vụ học tập đầy đủ, chất lượng tốt	<b>0.62</b>	<b>0.45</b>	20.36	52.13	26.44	4.03

### ***Nhận xét***

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 4.03 - 4.05)

Tiêu chí “Giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng được nhu cầu học tập của sinh viên” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 79.44 %.

Tiêu chí “Trang thiết bị thực hành phục vụ học tập đầy đủ, chất lượng tốt”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.07 %.

### 3.6. Kết quả khảo sát chung toàn trường đối với các học phần lâm sàng

**Bảng 14 : Nội dung, chất lượng học phần lâm sàng**

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
14.1	CĐR/Mục tiêu học phần phù hợp với nhu cầu thực tế lâm sàng	0.36	0.82	28.47	52.67	17.68	3.86
14.2	Thời lượng học phần được phân bố hợp lý	0.27	0.45	28.11	52.13	19.04	3.89
14.3	Nội dung học phần gắn với đặc điểm ngành nghề	0.36	0.63	26.84	52.95	19.22	3.90
14.4	Nội dung kiến thức có tính cập nhật, hiện đại	0.45	0.45	26.47	<b>54.40</b>	<b>18.22</b>	3.89
14.5	Nội dung của các bài trong học phần phù hợp với trình độ của sinh viên	<b>0.36</b>	<b>1.09</b>	28.38	52.77	17.41	3.86
14.6	Nội dung thi/kiểm tra phù hợp với CĐR/mục tiêu học phần	0.45	0.63	29.01	51.41	18.50	3.87

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 3.86-3.90).

Tiêu chí “Nội dung kiến thức có tính cập nhật, hiện đại” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 72.62%.

Tiêu chí “Nội dung của các bài trong học phần phù hợp với trình độ của sinh viên”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.45%.



**Bảng 15: Hoạt động dạy học lâm sàng**

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
15.1	Giảng viên phổ biến đầy đủ CDR/mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm của học phần lâm sàng	0.36	0.54	27.56	53.76	17.77	3.88
15.2	Được Trưởng khoa(hoặc BS tại khoa) giới thiệu về khoa, cơ cấu bệnh tật, các kỹ thuật/thủ thuật, nội quy khoa	0.27	0.73	27.38	53.94	17.68	3.88
15.3	Được giảng viên giảng lâm sàng tại giường bệnh theo chủ đề	0.27	0.82	27.74	52.95	18.22	3.88
15.4	Được giảng lâm sàng đầy đủ các nội dung như trong đề cương chi tiết học phần	0.36	0.54	26.84	53.67	18.59	3.90
15.5	Giảng viên quan tâm rèn kỹ năng tay nghề cho sinh viên trong khi dạy- học lâm sàng	<b>0.36</b>	<b>1.00</b>	27.38	53.67	17.59	3.87
15.6	Giảng viên quan tâm giáo dục đạo đức, nhân cách, giao tiếp ứng xử cho sinh viên khi tiếp xúc người bệnh, gia đình bệnh nhân	0.36	0.54	26.56	<b>54.49</b>	<b>18.04</b>	3.89
15.7	Giảng viên phân tích và chỉ ra các sai sót y khoa cần tránh khi thực hiện các kỹ thuật, thủ thuật	0.27	0.63	27.47	54.31	17.32	3.88

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 3.87-3.90).

Tiêu chí “Giảng viên quan tâm giáo dục đạo đức, nhân cách, giao tiếp ứng xử cho sinh viên khi tiếp xúc người bệnh, gia đình bệnh nhân” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 72.53%.

Tiêu chí “Giảng viên quan tâm rèn kỹ năng tay nghề cho sinh viên trong khi dạy- học lâm sàng”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.36%.

**Bảng 16: Tổ chức, quản lý dạy học lâm sàng**

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
16.1	Thầy/ cô của Khoa gặp mặt phổ biến nội dung, kế hoạch trước các vòng lâm sàng	0.27	1.00	28.01	51.68	19.04	3.88
16.2	Lịch giảng lâm sàng được thông báo rõ ràng, cụ thể và hợp lý	0.36	0.54	28.20	52.40	18.50	3.88
16.3	Được phân công cụ thể bác sĩ tại khoa kèm cặp trong thực tập lâm sàng	0.36	0.45	28.01	52.31	18.86	3.89
16.4	Được giao ban chuyên môn với khoa (hoặc giao ban sinh viên) hàng sáng	0.36	0.36	27.74	53.67	17.86	3.88
16.5	Giảng viên quản lý sinh viên thường xuyên tổ chức rút kinh nghiệm khi kết thúc vòng lâm sàng	0.36	0.45	26.84	<b>53.49</b>	<b>18.86</b>	3.90

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 3.88-3.90).

Tiêu chí “Giảng viên quản lý sinh viên thường xuyên tổ chức rút kinh nghiệm khi kết thúc vòng lâm sàng” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 72.35%.

Tiêu chí “Thầy/ cô của Khoa gặp mặt phổ biến nội dung, kế hoạch trước các vòng lâm sàng”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 1.27%.

**Bảng 17: Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập lâm sàng**

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
17.1	Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá công bằng, khách quan	0.27	0.36	27.47	53.40	18.50	3.89
17.2	Phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích sinh viên tự học, tự nghiên cứu và giúp hoàn thiện năng lực cho sinh viên	0.27	0.35	26.65	<b>54.94</b>	<b>17.69</b>	3.89
17.3	Kết quả kiểm tra đánh giá được thông báo đến sinh viên ngay sau khi kết thúc vòng lâm sàng theo đúng quy định	0.27	0.36	27.47	52.95	18.95	3.90
17.4	Thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá giúp sinh viên cải thiện kết quả học tập	0.27	0.36	27.20	54.58	17.59	3.89
17.5	Sinh viên được giải quyết khiếu nại thỏa đáng liên quan đến thi, kiểm tra	0.27	0.36	27.56	53.67	18.13	3.89

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 3.89 – 3.90).

Tiêu chí “Phương pháp kiểm tra, đánh giá kích thích sinh viên tự học, tự nghiên cứu và giúp hoàn thiện năng lực cho sinh viên” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 72.63%.

**Bảng 18: Cơ sở vật chất, trang thiết bị/phương tiện, vật liệu dạy học và các điều kiện khác đảm bảo cho việc học tập lâm sàng**

Nội dung		Hoàn toàn không đồng ý (%)	Không đồng ý (%)	Bình thường (%)	Đồng ý (%)	Hoàn toàn đồng ý (%)	Điểm TB
18.1	Tại khoa có đủ mặt bệnh như đề cương chi tiết học phần lâm sàng	0.27	0.27	27.29	52.58	19.58	3.91
18.2	Cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng nhu cầu học tập	0.27	0.36	26.93	53.40	19.04	3.91
18.3	Lưu lượng sinh viên thực tập tại khoa là phù hợp	<b>0.36</b>	<b>0.54</b>	27.92	52.77	18.40	3.88
18.4	Có sự phối hợp tốt giữa các SV trong nhóm thực hành lâm sàng	0.27	0.36	26.65	<b>53.85</b>	<b>18.86</b>	3.91

**Nhận xét:**

Tất cả các tiêu chí đều có điểm trung bình đạt mức tốt (từ 3.88-3.91).

Tiêu chí “Có sự phối hợp tốt giữa các SV trong nhóm thực hành lâm sàng” có tỷ lệ sinh viên đồng ý cao nhất đạt 72.71%.

Tiêu chí “Lưu lượng sinh viên thực tập tại khoa là phù hợp”, có tỷ lệ sinh viên không đồng ý cao nhất là 0.91%.

**4. Kết luận chung**

**4.1. Một số kết quả đạt được:**

- Có sự phối hợp tốt giữa các Phòng chức năng, Khoa/Bộ môn trong việc vận động sinh viên tham gia phản hồi về hoạt động giảng dạy của giảng viên. Kết quả tỷ lệ sinh viên phản hồi > 94%.

- Đối với các khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy các học phần lý thuyết:

+ Đã khảo sát hoạt động giảng dạy của 114 giảng viên với 308 học phần thuộc 11 Khoa/Bộ môn. Trong đó có 23.7% số giảng viên được sinh viên phản hồi đạt mức xuất

sắc; 76.3% giảng viên đạt mức tốt và không có giảng viên đạt mức khá, trung bình và yếu.

+ Tỷ lệ sinh viên đồng ý với các tiêu chí đánh giá về nội dung học phần; hoạt động giảng dạy và hoạt động kiểm tra đánh giá của giảng viên toàn trường đều đạt mức tốt, từ 76.19% trở lên.

- Đối với khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy các học phần thực hành:

+ Đã khảo sát hoạt động giảng dạy của 115 giảng viên với 273 học phần thuộc 10 Khoa/Bộ môn. Trong đó có 25.64% số giảng viên được sinh viên phản hồi đạt mức xuất sắc, 74.36% giảng viên đạt mức tốt, không có giảng viên đạt mức khá, trung bình và yếu.

+ Tỷ lệ sinh viên đồng ý với các tiêu chí đánh giá về nội dung học phần, hoạt động giảng dạy và hoạt động kiểm tra đánh giá của giảng viên toàn trường đạt mức tốt, từ 78.03% trở lên.

- Đối với khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động dạy học lâm sàng:

+ Đã khảo sát được 20 lớp với 1103 sinh viên tham gia khảo sát, đạt tỷ lệ 94.4%.

+ Tỷ lệ sinh viên đồng ý với các tiêu chí đánh giá về nội dung, chất lượng học phần, tổ chức hoạt động dạy học lâm sàng và hoạt động kiểm tra đánh giá đạt mức tốt, từ 69.9% trở lên.

#### **4.2. Một số vấn đề tồn tại:**

- Còn tỉ lệ nhỏ sinh viên không tham gia khảo sát dù đã được Phòng/Khoa/BM đơn đốc: với HP lý thuyết là 3.42%, với HP thực hành là 4.83%, với HP lâm sàng là 5.6%.

- Còn 6 học phần lý thuyết tương ứng 9 GV và 17 học phần thực hành tương ứng 34 GV cùng dạy chung học phần không thể khảo sát được từng GV mà chỉ có đánh giá chung cho học phần.

- Còn tỉ lệ nhỏ ý kiến sinh viên “ Không đồng ý” và “ Hoàn toàn không đồng ý” ở các tiêu chí khảo sát học phần lý thuyết, thực hành, lâm sàng (từ 0.54-1.45%):

Học phần lý thuyết:

+ Thời lượng học phần được phân bố hợp lý cho các hình thức học tập với 1.21%.

+ Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp phát huy tính sáng tạo, khả năng nghiên cứu độc lập của sinh viên là 1.15%

Học phần thực hành:

+ Giảng viên luôn quan tâm giáo dục ý thức thực hành nghề nghiệp cho sinh viên là 1.05%

+ Trang thiết bị thực hành phục vụ học tập đầy đủ, chất lượng tốt là 1.07%

Học phần lâm sàng:

+ Nội dung của các bài trong học phần phù hợp với trình độ của sinh viên là 1.45%

+ Giảng viên quan tâm rèn kỹ năng tay nghề cho sinh viên trong khi dạy-học lâm sàng là 1.36%

+ Thầy/cô của Khoa gặp mặt phổ biến nội dung, kế hoạch trước các vòng lâm sàng là 1.27%

- Còn một vài ý kiến góp ý với từng học phần như:

+ Học phần cần tăng lượng thời gian thực hành

+ Học phần ít tín chỉ nhưng lượng kiến thức nhiều

+ Giáo trình còn dài, lan man

+ Đề cương học phần còn dài

## 5. Đối sánh kết quả khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên kỳ I năm học 2021-2022 và phương hướng cải tiến chất lượng

### 5.1 Đối sánh kết quả khảo sát

**Bảng 19: Kết quả khảo sát**

Nội dung	Kỳ I năm học 2021-2022	Kỳ I năm học 2022-2023
<b>HP khảo sát (HP)</b>		
-Lý thuyết	261	278
-Thực hành	220	264
-Lâm sàng	31	34
<b>GV khảo sát (Người)</b>		
-Lý thuyết	96	129
-Thực hành	98	120
<b>Xếp loại HP</b>		
-Lý thuyết	26.82% xuất sắc, 73.18% tốt, 0.00% khá	23.7% xuất sắc, 76.3% tốt, 0.00% khá
-Thực hành	31.36% xuất sắc, 68.64% tốt, 0.00% khá	25.64% xuất sắc, 74.36% tốt, 0.00% khá

Nhận xét:

- Số học phần khảo sát tăng ở cả hai học phần: lý thuyết là 17 học phần và thực hành là 44 học phần. Nguyên nhân do Khoa/Bộ môn kết hợp với phòng QLĐT chủ động mở các lớp tiến độ nhanh giúp SV ra trường đúng hạn. Mặt khác từ năm học 2022-2023 ngành Phục hồi chức năng có thêm lớp Ngôn ngữ trị liệu trước đó chỉ có lớp Phục hồi chức năng và Hoạt động trị liệu.

- Tỷ lệ giảng viên đạt xuất sắc giảm ở cả giảng viên lý thuyết là 3.12% và thực hành là 5.72%.

- Tất cả các tiêu chí tỷ lệ SV đồng ý đều giảm so với khảo sát kỳ 1 năm học 2021-2022 ( kỳ 1 năm học 2021-2022 tỷ lệ SV đồng ý từ 80.8 % trở lên, kỳ 1 năm học 2022-2023 tỷ lệ SV đồng ý từ 69.91% trở lên). Trong đó một số tiêu chí tỷ lệ SV đồng ý giảm mạnh như:

+ Nội dung của các bài trong học phần phù hợp với trình độ của sinh viên đạt 70.18% ( kỳ 1 năm 2021-2022 là 85.01%)

+ CDR/Mục tiêu học phần phù hợp với nhu cầu thực tế lâm sàng đạt 70.35% ( kỳ 1 năm 2021-2022 là 83.37%)

+ Giảng viên phổ biến đầy đủ CDR/mục tiêu, vị trí, yêu cầu và nội dung trọng tâm của học phần lâm sàng đạt 71.53% ( kỳ 1 năm 2021-2022 là 84.85%)

+ Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá công bằng, khách quan đạt 71.9% ( kỳ 1 năm 2021-2022 là 86.19%)

- Tỷ lệ sinh viên không đồng ý giảm ở một số tiêu chí:

+ Thời lượng học phần được phân bổ hợp lý là 0.72% ( kỳ 1 năm 2021-2022 là 1.56%)

+ Được giao ban chuyên môn với khoa (hoặc giao ban sinh viên) hàng sáng là 0.72% ( kỳ 1 năm 2021-2022 là 0.97 %)

+ Lịch giảng lâm sàng được thông báo rõ ràng, cụ thể và hợp lý là 0.9% ( kỳ 1 năm 2021-2022 là 1.04%)

- Tỷ lệ sinh viên không đồng ý tăng ở một số tiêu chí:

+ Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp phát huy tính sáng tạo, khả năng nghiên cứu độc lập của sinh viên là 1.15% ( kỳ 1 năm 2021-2022 là 1.01%)

+ Giảng viên quan tâm rèn kỹ năng tay nghề cho sinh viên trong khi dạy- học lâm sàng là 1.36% ( kỳ 1 năm 2021-2022 là 0.59 %)

+ Nội dung của các bài trong học phần phù hợp với trình độ của sinh viên là 1.45% ( kỳ 1 năm 2021-2022 là 0.89%)

## 5.2 Phương hướng cải tiến chất lượng

Theo kết quả báo cáo hoạt động khảo sát ý kiến của sinh viên chính quy và VLVH về hoạt động giảng dạy của giảng viên học kỳ I năm học 2022-2023, Hiệu trưởng yêu cầu:

- Phòng Khảo thí và BĐCLGD là đầu mối kết hợp với Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Công tác quản lý sinh viên, Phòng Công nghệ thông tin, các Khoa/Bộ môn tiếp tục phối hợp chặt chẽ để tuyên truyền ý nghĩa của đợt khảo sát, đôn đốc sinh viên tham gia phản hồi đánh giá giảng viên trong các học kỳ tiếp theo.

- Khoa/Bộ môn căn cứ kết quả khảo sát, tổ chức họp rút kinh nghiệm xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng đào tạo cho học kỳ II năm học 2022-2023 và những năm học tiếp theo gửi về phòng KT&BĐCLGD trước 30/5/2023 (theo Phụ lục 7). Kết quả thực hiện Kế hoạch sẽ được báo cáo cùng Báo cáo bảo đảm chất lượng giáo dục năm học 2022-2023 của đơn vị. *Done*

### Nơi nhận:

- Hội đồng Trường ;
- Ban Giám hiệu ;
- Các đơn vị;
- Lưu VT, KT&BĐCLGD.



**TS. PHẠM THỊ CẨM HƯNG**